BẢN KHÁI TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ, trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Số lượng	Hệ số	Mức chuẩn	Số tiền trợ cấp/tháng	Số tiền trợ cấp/năm
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4=1*2*3**	**5=4*12**
I	**Nhóm đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng**					**25.506,93**
1	**Kinh phí thực hiện trợ cấp hàng tháng**	**2.202**			**1.874,9**	**22.498,56**
a	Trẻ em, người bị bệnh hiểm nghèo (theo Danh mục bệnh hiểm nghèo Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế) thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	662			410,9	4.931,28
-	*Dưới 04 tuổi*	*37*	*2,5*	*0,54*	*50,0*	*599,40*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*87*	*1,5*	*0,54*	*70,5*	*845,64*
-	*Người từ đủ 16 tuổi trở lên*	*538*	*1,0*	*0,54*	*290,5*	*3.486,24*
b	Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, ấp, khu vực không phải là vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn	473	1,5	*0,54*	383,1	4.597,56
c	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo	14			13,5	162,00
-	*Dưới 04 tuổi*	*4*	*2,5*	*0,54*	*5,4*	*64,80*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*10*	*1,5*	*0,54*	*8,1*	*97,20*
d	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại mắc bệnh hiểm nghèo (theo Danh mục bệnh hiểm nghèo Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	38			36,7	440,64
-	*Dưới 04 tuổi*	*11*	*2,5*	*0,54*	*14,9*	*178,20*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*27*	*1,5*	*0,54*	*21,9*	*262,44*
đ	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (cha hoặc mẹ chết do nhiễm COVID - 19) thuộc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình	130			126,4	1.516,32

TT	Đối tượng	Số lượng	Hệ số	Mức chuẩn	Số tiền trợ cấp/tháng	Số tiền trợ cấp/năm
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4=1*2*3**	**5=4*12**
-	*Dưới 04 tuổi*	*39*	*2,5*	*0,54*	*52,7*	*631,80*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*91*	*1,5*	*0,54*	*73,7*	*884,52*
e	Trẻ em còn cha và mẹ nhưng cả cha và mẹ không còn cư trú ở địa phương từ 24 tháng trở lên, được cấp có thẩm quyền xác nhận và người nuôi dưỡng trẻ em là người cao tuổi hoặc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	106			103,1	1.237,68
-	*Dưới 04 tuổi*	*32*	*2,5*	*0,54*	*43,2*	*518,40*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*74*	*1,5*	*0,54*	*59,9*	*719,28*
g	Trẻ em có cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù giam và người còn lại thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	35			34,3	411,48
-	*Dưới 04 tuổi*	*11*	*2,5*	*0,54*	*14,9*	*178,20*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*24*	*1,5*	*0,54*	*19,4*	*233,28*
h	Trẻ em có cha và mẹ là người khuyết tật mức độ nặng hoặc đặc biệt nặng	649			631,0	7.571,88
-	*Dưới 04 tuổi*	*195*	*2,5*	*0,54*	*263,3*	*3.159,00*
-	*Từ đủ 04 đến dưới 16 tuổi*	*454*	*1,5*	*0,54*	*367,7*	*4.412,88*
i	Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật là thế hệ thứ ba (cháu nội, cháu ngoại) của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng theo quy định của chính sách, pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng	95			135,8	1.629,72
-	*Khuyết tật mức độ nặng*	*67*	*2,5*	*0,54*	*90,5*	*1.085,40*
-	*Khuyết tật mức độ đặc biệt nặng*	*28*	*3,0*	*0,54*	*45,4*	*544,32*
2	**Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế**	***2.202***				***3.008,37***
II	**Nhóm đối tượng hưởng trợ giúp khẩn cấp, đột xuất tại cộng đồng**	**993**				**10.724,40**

TT	Đối tượng	Số lượng	Hệ số	Mức chuẩn	Số tiền trợ cấp/tháng	Số tiền trợ cấp/năm
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4=1*2*3**	**5=4*12**
1	Trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em dưới 06 tuổi được sinh ra từ mẹ là trẻ em bị xâm hại tình dục	31	20	*0,54*		334,80
2	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bóc lột; trẻ em bị tai nạn thương tích dẫn đến khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng	16	20	*0,54*		172,80
3	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực	6	20	*0,54*		64,80
4	Trẻ em lang thang kiếm sống khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở	57	20	*0,54*		615,60
5	Trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em là dân tộc thiểu số, trẻ em đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo theo Danh mục bệnh hiểm nghèo Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế) hoặc mắc bệnh tim bẩm sinh mà chi phí điều trị vượt quá khả năng chi trả, điều kiện kinh tế của gia đình.	883	20	*0,54*		9.536,40
III	**Nhóm đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội**					**9.004,45**
1	**Kinh phí trợ cấp hàng tháng** (Người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng có nơi nương tựa, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, có hành vi gây nguy hiểm cho bản thân, gia đình và cộng đồng)	330	4,0	*0,54*	712,8	8.553,60
2	**Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế**					**450,85**
	Tổng cộng: I+II+III					**45.235,78**

HĐND thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ), tỉnh Hậu Giang (cũ) đã ban hành các Nghị quyết của từng khu vực, sau sáp nhập các địa phương vẫn đang thực hiện các chính sách này theo từng khu vực, kinh phí thực hiện ***trung bình mỗi năm khoảng 13,856 tỷ*** . ***Nếu ban hành Nghị quyết mới cho thành phố Cần Thơ, thì kinh phí phát sinh thêm khoảng 31,379 tỷ đồng/năm (trong đó: tăng do áp dụng Nghị quyết toàn thành phố mới khoảng 28,285 tỷ đồng/năm; tăng do nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP khoảng 3,094 tỷ đồng/năm)*** .

TT	Đối tượng	Số lượng	Hệ số	Mức chuẩn	Số tiền trợ cấp/tháng	Số tiền trợ cấp/năm
A	B	1	2	3	4=1*2*3	5=4*12

Các đối tượng được mở rộng kế thừa 03 Nghị quyết trước đó, Sở Y tế không đề xuất ban hành nhóm đối tượng phát sinh mới so với các Nghị quyết trước đây. Đồng thời, đối tượng được hưởng chính sách đảm bảo không bị trùng lặp, chồng chéo và mâu thuẫn với các chính sách khác; hệ số trợ cấp đề xuất không cao hơn so với hệ đã ban hành tại các Nghị quyết trước đây (trừ nhóm đối tượng Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật là thế hệ thứ ba (cháu nội, cháu ngoại) của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng theo quy định của chính sách, pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng), mức trợ cấp cao hơn là do Chính phủ nâng mức trợ cấp từ 500.000 đồng (theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP) lên 540.000 đồng (theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP).